TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN THÀNH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ- ST.
Ngày: 31/12/2020
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH - TỈNH BẮC NINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Huy Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hồng Sơn và Ông Đỗ Hoàng Long.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tại trụ sở TAND huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2020 về: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 15/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 2000 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Yên N, xã Gia Đ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Lê Xuân Đ, sinh năm 1992. (Vắng mặt).

HKTT: Thôn P, xã Ninh X, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 29, Phân trại Số 2, Trại giam Hoàng Tiến, Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày như sau:

Chị kết hôn với anh Lê Xuân Đ ngày 10 tháng 9 năm 2019 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Ninh Xá - Thuận Thành - tỉnh Bắc Ninh. Tuy nhiên trước khi kết hôn thì chị chung sống cùng anh Đ từ năm 2016 đến năm 2019 thì anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 9 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ chơi bời nghiện Ma túy, chị có khuyên bảo nhưng anh Đ không nghe. Đến ngày 12/9/2019 thì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và chị bỏ về nhà đẻ ở, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay, đến ngày 16/9/2019 anh Đ đã vi phạm pháp luật và nay anh Đ đang chấp hành án tại trại giam Hoàng Tiến - Chí Linh - Hải Dương. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ

chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Xuân Đ để mỗi người có cuộc sống mới.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N trình bày vợ chồng có 01 con chung là Lê Đức D, sinh ngày 03/5/2017. Hiện con chung khỏe mạnh và đang ở với chị. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp và đất nông nghiệp: Chị Nguyễn Thị N trình bày chị xác định vợ chồng không có gì và không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai anh Lê Xuân Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận lời trình bày của chị N về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như cuộc sống chung của vợ chồng là đúng, ngày 16/9/2019 anh vi phạm pháp luật và bị TAND huyện Thuận Thành xử phạt tù nay anh đang chấp hành án tại trại giam Hoàng Tiến, Chí Linh, Hải Dương về quan điểm của anh là nhất trí ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung Lê Đức D, sinh ngày 03/5/2017. Hiện con chung khỏe mạnh và đang ở với chị N. Nay Ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì anh nhất trí.

Về tài sản, công nợ và đất nông nghiệp: Anh xác định vợ chồng không có gì và anh không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải gửi cho anh nhưng anh đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại phiên toà chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Lê Xuân Đ và đề nghị xem xét việc nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu và kết luận việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng Điều 147, Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53 và Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí án phí Tòa án. Đề nghị HĐXX tuyên xử:

1.**Về quan hệ vợ chồng**: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lê Xuân Đ.

2. **Về con chung:** Giao con chung là Lê Đức D, sinh ngày 03/5/2017 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Anh Đ được quyền thăm nom con chung.

3. **Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp và ruộng canh tác tại địa phương**: Các đương sự không yêu cầu; Do vậy không xem xét giải quyết.

4. **Về án phí**: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà; Sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án và đã tiến hành mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ do đang chấp hành án tại trại giam Hoàng Tiến, Chí Linh, Hải Dương nên anh xin vắng mặt, anh đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đã gửi cho phía bị đơn anh Lê Xuân Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Lê Xuân Đ theo quy định pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N kết hôn với anh Lê Xuân Đ ngày 10 tháng 9 năm 2019, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn, do vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N; Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Đ là có thật và nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Đ chơi bời, nghiện ma túy nên anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã chấm dứt mọi quan hệ từ tháng 9/2019 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành giao thông báo về việc thụ lý vụ án, anh Đ đã có bản tự khai và anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và anh nhất trí ly hôn theo đề nghị của chị N, tuy nhiên Tòa án triệu tập anh đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ do đang chấp hành án tại trại giam Hoàng Tiến, Chí Linh, Hải Dương nên anh đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Tại phiên toà hôm nay anh Đ vắng mặt; Xét thấy lời đề nghị của chị N xin được ly hôn anh Đ là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lê Xuân Đ là phù hợp.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Xuân Đ trình bày vợ chồng có 01 con chung là Lê Đức D, sinh ngày 03/5/2017. Ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra, anh Lê Xuân Đ nhất trí giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét lời đề nghị của chị N là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp và đất nông nghiệp: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Xuân Đ đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. **Về quan hệ vợ chồng**: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lê Xuân Đ.

2. **Về con chung**: Giao con chung là Lê Đức D, sinh ngày 03/5/2017 cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Anh Đ được quyền thăm nom con chung.

3. **Về án phí**: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (xác nhận chị N đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0003615 ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành).

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt án vắng mặt hoặc niêm yết kết quả bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Toà án tỉnh BN;*
- *VKSND huyện Thuận Thành;*
- *THA huyện Thuận Thành;*
- *UBND xã Ninh Xá;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Huy Tuấn